

Bản án số: 67./2019/DS-ST

Ngày: 02/10/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chu

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Giã Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST-DS ngày 20/6/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐST – DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 (Và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2019) giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T**

Trụ sở: tầng 1-7, tòa nhà Thủ Đô, số 72, phố A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/03/2018).

Ông Đỗ Thành T ủy quyền cho:

1. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1993 (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 14021/2019/ UQ-PGDK ngày 05/8/2019).

Cùng địa chỉ: Tầng 2, số 96, Cao Thắng, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: **Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1985 (Vắng mặt).**

Trú tại: số 075/ADL, ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T) trình bày:

Ngày 21/12/2017 Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T) và ông Nguyễn Thành L có thiết lập hợp đồng tín dụng số LD1800801159 (Hình thức Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử) cho ông L vay số tiền 30.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Trên cơ sở đó ngày 08/01/2018 Ngân hàng T giải ngân số tiền 30.000.000 đồng cho ông L. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 28/4/2018 ông L chỉ thanh toán được cho Ngân hàng T số tiền gốc là 481.809 đồng, tiền lãi là 865.074 đồng rồi ngưng không thanh toán tiếp cho Ngân hàng T thêm khoản tiền nào, đồng thời trốn tránh trách nhiệm thanh toán nợ. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm thanh toán tiếp cho Ngân hàng T số tiền nợ vay tính đến ngày 02/10/2019 là 53.084.341đ (Năm mươi ba triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi một đồng). Trong đó tiền nợ vay gốc là 29.518.191đ (Hai mươi chín triệu, năm trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi một đồng), nợ tiền lãi là 23.566.150đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm năm mươi đồng); Đồng thời yêu cầu ông L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng T theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1800801159 ngày 21/12/2017 đã ký với Ngân hàng T tính từ ngày 03/10/2019 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Ngân hàng T không đồng ý cho ông L thời gian đến 2020 mới thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thành L. Ngày 15/7/2019 ông L làm bản tự khai xác định lời trình bày của Ngân hàng T là đúng. Ông L hoàn toàn đồng ý thanh toán số nợ còn thiếu Ngân hàng T theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T nhưng xin Ngân hàng T cho thêm thời gian vào năm 2020 sẽ thanh toán vì hiện giờ ông L không có khả năng thanh toán; Đồng thời vì có công việc ở xa, nên ông L yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Tri nhận định.

Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thành L có đơn yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm thanh toán tiếp

cho Ngân hàng T số tiền nợ vay tính đến ngày 02/10/2019 với số tiền là 53.084.341đ (Năm mươi ba triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi một đồng). Trong đó tiền nợ vay gốc là 29.518.191đ (Hai mươi chín triệu, năm trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi một đồng), nợ tiền lãi là 23.566.150đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm năm mươi đồng); Đồng thời yêu cầu ông L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng T theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1800801159 ngày 21/12/2017 đã ký với Ngân hàng T tính từ ngày 03/10/2019 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ - Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Hợp đồng tín dụng số LD1800801159 ngày 21/12/2017 được ký kết giữa ông Nguyễn Thành L với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T) là hợp pháp nên các thỏa thuận trong hợp đồng có hiệu lực.

[2] Sau khi nhận tiền vay, theo xác nhận của Ngân hàng T và ông L thì ông L chỉ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền gốc là 481.809đ, tiền lãi là 865.074đ rồi không thanh toán tiếp cho Ngân hàng T số tiền nào là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng T. Vì vậy, việc Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm thanh toán tiếp cho Ngân hàng T số tiền 53.084.341đ (Năm mươi ba triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi một đồng). Trong đó tiền nợ vay gốc là 29.518.191đ (Hai mươi chín triệu, năm trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi một đồng), nợ tiền lãi là 23.566.150đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm năm mươi đồng); Đồng thời yêu cầu ông L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng T theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1800801159 ngày 21/12/2017 đã ký với Ngân hàng T tính từ ngày 03/10/2019 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự 2015 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét việc bị đơn ông Nguyễn Thành L đồng ý thanh toán số nợ còn thiếu Ngân hàng T theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T nhưng xin Ngân hàng T cho thêm thời gian vào năm 2020 sẽ thanh toán là không được Ngân hàng T đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: là 2.654.217đ (Hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm mười bảy đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thành L phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Các điều Điều 463, 466, 357, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T). Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T) số tiền 53.084.341đ (Năm mươi ba triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi một đồng). Trong đó tiền nợ vay gốc là 29.518.191đ (Hai mươi chín triệu, năm trăm mười tám ngàn, một trăm chín mươi một đồng), nợ tiền lãi là 23.566.150đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm năm mươi đồng);

Ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng T theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1800801159 ngày 21/12/2017 tính từ ngày 03/10/2019 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: 2.654.217đ (Hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm mười bảy đồng) ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Ngân hàng T) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004872 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã nơi ông L cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rên